TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 88/2025/HS-ST Ngày 26-6-2025	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Phụng

2. Bà Trần Thị Thu Hương

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đỗ Thị Lan Hương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa*: Ông Lê Minh Đạo, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 86/2025/TLST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2025/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo: **Trần Ngọc T**, sinh ngày 02/9/1982 tại Thái Bình; nơi cư trú: Số nhà A, ngõ C, đường P, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đăng K (đã chết) và bà Phạm Thị B (đã chết); vợ: Vũ Thị T1 (đã ly hôn); bị cáo có 01 con; nhân thân: Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm - Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội số 314, ngày 06/3/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố T đối với Trần Ngọc T, thời hạn 12 tháng, chấp hành xong ngày 09/3/2010. Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm - Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội số 1281 ngày 07/6/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố T đối với Trần Ngọc T, thời hạn 12 tháng, chấp hành xong ngày 28/5/2013; tiền sự: Không; tiền án: không; bị cáo tạm giữ từ

ngày 31/3/2025 đến ngày 06/4/2025 chuyển tạm giam, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực H, Công an tỉnh T (có mặt).

** Người chứng kiến:*

1. Ông Nguyễn Xuân T2, sinh năm 1958, trú tại tổ I, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt);

2. Anh Phạm Mạnh H, sinh năm 1979, trú tại tổ F, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt);

3. Ông Quách Đình P, sinh năm 1966, trú tại tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Chiều ngày 30/3/2025, Trần Ngọc T đi bộ từ nhà đến khu vực chợ C1 thuộc địa phận phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình gặp và mua của 01 người đàn ông khoảng 50 tuổi, không biết tên, địa chỉ 01 túi Heroine với giá 500.000 đồng và 01 túi ma túy đá với giá 1.000.000 đồng. T đem ma túy về nhà lấy một ít Heroine ra sử dụng, số Heroine còn lại T cất giấu vào hộp bìa cát tông tại phòng khách, túi ma túy đá T cất giấu trong túi quần đang mặc. Đến khoảng 17 giờ 30 phút ngày 31/3/2025, Trần Ngọc T mang theo túi ma túy đá đi bộ để tìm nơi sử dụng. Khi T đi đến đến khu vực ngõ C, đường P, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình thì bị Tổ công tác Công an tỉnh T phát hiện. Tại đây, trước sự chứng kiến của ông Nguyễn Xuân T2 và anh Phạm Mạnh H, T tự giác lấy từ túi quần bên phải phía trước đang mặc ra 01 túi nilon trong suốt có mép cài, bên trong chứa chất tinh thể trong suốt giao nộp cho tổ công tác và khai nhận đó là ma tuý đá của T cất giấu để sử dụng, cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở Trần Ngọc Tú tại số nhà A, ngõ C, đường P, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình đã thu giữ trong hộp bìa cát tông ở phòng khách 01 túi nilon trong suốt có mép cài, bên trong chứa chất bột màu trắng dạng cục.

Tại kết luận giám định số 310/KL-KTHS ngày 04/4/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận: Mẫu vật quản lý của Trần Ngọc T gửi giám định là ma túy; loại Methamphetamine, có khối lượng 2,0768 gam; Mẫu vật quản lý khi khám xét chỗ ở của Trần Ngọc T gửi giám định là ma tuý, loại Heroin (Heroine) có khối lượng 0,0958 gam;

Cáo trạng số 93/CT-VKSTPTB ngày 10/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố ra trước Tòa án nhân dân thành

phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình để xét xử đối với bị cáo Trần Ngọc T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Ngọc T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu; đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Áp dụng điểm i khoản 1, khoản 5 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù; áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy số ma túy thu của bị cáo được niêm phong trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 310/KL-KTHS của Phòng K1 - Công an tỉnh T. Bị cáo Trần Ngọc T đồng ý với tội danh Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố, không trình bày lời bào chữa và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo Trần Ngọc T nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Ngọc T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng, kết luận giám định, lời khai của người chứng kiến và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 31/3/2025 tại khu vực đầu ngõ C, đường P, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình, Trần Ngọc T đã có hành vi tàng trữ trái phép trong người 01 túi ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 2,0768

gam mục đích để sử dụng cho bản thân, bị tổ công tác Công an tỉnh T phát hiện, bắt quả tang. Ngoài ra, Trần Ngọc T còn có hành vi tàng trữ trái phép tại nơi ở 01 túi Heroine, có khối lượng 0,0958 gam mục đích để sử dụng cho bản thân. Hành vi của Trần Ngọc T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quy định quản lý chất gây nghiện của Nhà nước. Nghiện ma tuý là tệ nạn đang được đấu tranh bài trừ ra khỏi đời sống xã hội. Bị cáo là người đã thành niên, có nhận thức đầy đủ về tính chất nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi do mình thực hiện, nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định: "1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:...c) Heroine, C, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;...i) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này;...5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản". Như vậy, hành vi trên của Trần Ngọc T đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[3]. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố bị cáo Trần Ngọc T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, mẹ đẻ bị cáo được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5]. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo, giáo dục bị cáo, góp phần đấu tranh phòng ngừa chung.

[6]. Khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản". Bị cáo có nhân thân xấu nên cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, số ma túy thu giữ trong vụ án còn lại sau giám định là chất Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8]. Về nguồn gốc số ma túy, bị cáo Trần Ngọc T khai ma túy mua của một người đàn ông, khoảng 50 tuổi, không biết tên, địa chỉ tại khu vực chợ C1 thuộc địa phận phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T không đủ căn cứ để xử lý.

[9]. Về án phí: Bị cáo Trần Ngọc T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm i khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47; Điều 50 Bộ luật Hình sự; Điều 106; Điều136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 31/3/2025); phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu giữ của Trần Ngọc T còn lại sau giám định được niêm phong trong 02 phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 310/KL-KTHS của Phòng K1 Công an tỉnh T.

(Vật chứng trên đã được chuyển đến Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 11/6/2025).

4. Về án phí: Bị cáo Trần Ngọc T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/6/2025).

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình;
- Phân trại tạm giam khu vực Hưng Hà, Công an tỉnh Thái Bình;
- Trại giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh